

Phụ lục

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm hoặc quý.....năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ bán ra		Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):							
Tổng							
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:							
Tổng							
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:							
Tổng							
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:							
Tổng							

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*):

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

(**) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

Phụ lục

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quý.....năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế		Tên người bán	Mã số thuế người bán	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế	Ghi chú
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
Tổng							
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
Tổng							
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế (*):							
Tổng							

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT (**):

Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ (***) :

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tổng hợp theo từng dự án đầu tư thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT.

(**) Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2.

(***) Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2.

- GTGT: giá trị gia tăng.
- SXKD: sản xuất kinh doanh.
- HHDV: hàng hóa dịch vụ. *JA*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho người nộp thuế mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm hoặc quý.....năm....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	
6	Giá trị gia tăng (GTGT) chịu thuế trong kỳ: [26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25];	[26]	
7	Thuế GTGT phải nộp: [27]=[26] x suất thuế GTGT	[27]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ././M

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(dành cho người nộp thuế thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 04/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm hoặc quý.....năm....

[02] Người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: -

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: -

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ bán ra		Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu	Ghi chú
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc hàng hoá, dịch vụ áp dụng thuế suất 0%:						
Tổng						
2. Phân phối, cung cấp hàng hóa áp dụng thuế suất 1%:						
Tổng						
3. Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu áp dụng thuế suất 5%:						
Tổng						
4. Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu áp dụng thuế suất 3%:						
Tổng						
5. Hoạt động kinh doanh khác áp dụng thuế suất 2%:						
Tổng						

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra (*):

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT và áp dụng thuế suất 0%

(**):

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán áp dụng tỷ lệ thuế/doanh thu (***) :

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai././

..., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4, 5.

(**) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT và áp dụng thuế suất 0% là số liệu tại cột 6 của dòng tổng của chỉ tiêu 1.

(***) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán áp dụng tỷ lệ thuế/doanh thu là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của của các chỉ tiêu 2, 3, 4, 5.

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB....

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO NỘ LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../ VPĐK ngày....tháng.....năm 201... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ, cơ quan thuế..... thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất như sau:

I. ĐỊNH DANH VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

1. Tên chủ tài sản:
2. Mã số thuế (nếu có):
3. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB:
4. Đại lý thuế (nếu có) :
5. Mã số thuế: :
6. Địa chỉ: .:

II. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN

1. Thửa đất số:.....Tờ bản đồ số:
- Số nhà... Đường phố.... Thôn (ấp, bản, phum, sóc)..... xã (phường)
2. Loại đất
3. Loại đường/khu vực:
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
5. Cấp nhà:.....Loại nhà:
6. Hạng nhà:.....
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:
8. Diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ (m²):
- 8.1. Đất:.....
- 8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....
9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ (đồng/m²):
- 9.1. Đất:.....
- 9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):.....

III. LPTB DO CƠ QUAN THUẾ TÍNH:

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ:
- 1.1. Đất (8.1 x 9.1):.....
- 2.2. Nhà (7 x 8.2 x 9.2):.....
2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng):
- (Viết bằng chữ:)
- Nộp theo chươngloại.....khoản.....hạng.....mục.....tiểu mục

3. Địa điểm nộp.....

4. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này. Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Trường hợp không thu lệ phí trước bạ : Chủ tài sản thuộc diện không phải nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng) *th*

.....
.....
.....
6. Trường hợp miễn nộp lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện được miễn nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....
.....
.....
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ...*(tên cơ quan thuế)*... theo số điện thoại: địa chỉ:
(Cơ quan thuế)..... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**
Ngày tháng năm 201.....
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II - PHẢN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ so với thông báo của cơ quan Thuế:
.....
2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):
.....

(Viết bằng chữ:

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 11/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
119/2014/TT-BTC ngày
25/8/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày tháng ... năm
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

A - PHẦN CÁ NHÂN TƯ KÊ KHAI

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[01] Họ và tên:

[02] Mã số thuế (nếu có):

[03] Số chứng minh nhân dân (CMND)/hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[03a] Ngày cấp..... [03b] Nơi cấp

[04] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:.....

[21] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà:

Số Do cơ quan:..... Cấp ngày:.....

[22] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sản giao dịch của chủ dự án:

[23] Các đồng chủ sở hữu (nếu có):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1				
2				
...				

[24] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (nếu là mua bán, đổi):
Số:.....Nơi lập..... Ngày lập:

Cơ quan chứng thựcNgày chứng thực:

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[25] Họ và tên:

[26] Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[27] Số CMND/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[28] Đơn xin chuyển nhượng bất động sản (nếu là nhận thừa kế, nhận quà tặng)

Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng Ngày lập:.....

Cơ quan chứng thựcNgày chứng thực:

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[29] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

[30] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở

[31] Quyền thuê đất, thuê mặt nước

[32] Bất động sản khác

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[33] Đất

[33a] Địa chỉ thửa đất, nhà ở:

[33b] Vị trí (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

[33c] Loại đất, loại nhà:

[33d] Diện tích (m²):

[34] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):

[35] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):đồng

[36] Nhà và các tài sản gắn liền với đất (gọi chung là nhà)

[36a] Cấp nhà:

[36b] Loại nhà:

[36c] Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

[37] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng [37a] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....

Chuyển nhượng [37b] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:

[38] Giá trị nhà :đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[39] Giá trị bất động sản thực tế chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng (đồng):
.....

VI. CÁCH XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP

[40] Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản (BDS):đồng

Cách 1: Trường hợp xác định được giá mua, giá bán bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = (Giá bán BDS - Giá mua BDS) x 25%.

Cách 2: Trường hợp không xác định được giá mua, giá bán bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Giá trị BDS chuyển nhượng x 2%.

[41] Thu nhập chịu thuế từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:.....

.....đồng

[42] Thu nhập được miễn thuế:đồng

(Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)

[43] Thuế thu nhập phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản {[43]= ([40] - [42]) x thuế suất } :..... đồng

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp (đồng)	Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất
1					<input type="checkbox"/>
2					<input type="checkbox"/>
...					<input type="checkbox"/>

[44] Thuế thu nhập phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng {[44]= ([41] - [42] - 10.000.000đ) x 10%}:..... đồng.

VII. GIẤY TỜ KÈM THEO GỒM:

-

-

Chúng tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ (BAO GỒM CẢ ĐỒNG SỞ HỮU (nếu có) hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B - PHẦN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

I. Loại bất động sản chuyển nhượng:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất
2. Quyền sử hữu hoặc sử dụng nhà ở
3. Quyền thuê đất, thuê mặt nước
4. Các bất động sản khác

II. Đặc điểm bất động sản chuyển nhượng:

1. Thửa đất số:.....Tờ bản đồ số:

Số nhà, đường phố.....

Thôn, xóm.....

Phường/xã:.....

Quận/huyện.....

Tỉnh/ thành phố.....

2. Loại đất:.....

3. Loại đường/khu vực:

4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....

5. Cấp nhà:.....Loại nhà:.....

6. Hạng nhà:.....

7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:.....

8. Diện tích đất, nhà tính thuế (m²):

8.1. Đất:.....

8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....

9. Đơn giá một mét vuông đất, sàn nhà tính thuế (đồng/m²):

9.1. Đất:.....

9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):.....

III. Thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản

1. Đối với chuyển nhượng:

1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:.....đồng

1.2. Giá mua bất động sản:.....đồng

1.3. Các chi phí khác liên quan đến giá bất động sản chuyển nhượng được loại trừ:.....đồng

1.4. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản ((1.4) = (1.1) - (1.2) - (1.3)):.....đồng

2. Đối với nhận thừa kế, quà tặng:

Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản = (đơn giá một mét vuông đất, sàn nhà) x (diện tích đất, diện tích sàn nhà) + (giá trị các bất động sản khác gắn với đất):
.....đồng

IV. Thuế thu nhập phải nộp (đối với trường hợp phải nộp thuế):

1. Đối với thu nhập chuyển nhượng bất động sản:

Cách 1: Trường hợp xác định được giá mua bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản x 25%.

Cách 2: Trường hợp không xác định được giá mua bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Giá bất động sản chuyển nhượng x 2%.

Số thuế thu nhập phát sinh:đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp (đồng)	Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất
1					<input type="checkbox"/>
2					<input type="checkbox"/>
...					<input type="checkbox"/>

2. Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

Thuế thu nhập phải nộp = (Thu nhập từ bất động sản nhận thừa kế, quà tặng - 10.000.000) x 10%.

Số thuế thu nhập phát sinh:đồng

(Viết bằng chữ:.....)

V. Xác nhận của cơ quan thuế đối với trường hợp được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản:

Căn cứ vào tờ khai và các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản giữa ông (bà).....và ông (bà)....., cơ quan thuế đã kiểm tra và xác nhận khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của ông (bà)..... thuộc diện thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoảnĐiều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân với số tiền được miễn là...../.

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....ngàytháng..... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KÊ NỘP THUẾ

Mẫu số: 01/BKNT
ban hành kèm theo Thông tư số
119/2014/TT-BTC
ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính

Người nộp thuế : Mã số thuế :

Địa chỉ : Huyện Tỉnh, TP.....

Người nộp thay: Mã số thuế của người nộp thay

Địa chỉ : Huyện Tỉnh, TP.....

Đề nghị KBNN (NH) trích TK số hoặc tiền mặt để:

Nộp vào NSNN TK tạm thu(1) TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2)

Tại KBNN : tỉnh, TP:

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):

Kiểm toán NN Thanh tra TC

Thanh tra CP CQ có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu :

Tờ khai HQ số(1): ngày Loại hình XNK(1).....

STT	Nội dung các khoản nộp NS (4)	Loại tiền	Số tiền
	Tổng cộng		

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

Ngày... tháng... năm...

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Người nộp tiền Kế toán trưởng ⁽⁵⁾ Thủ trưởng đơn vị ⁽⁵⁾

KBNN (NGÂN HÀNG)

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú:

Mẫu này chỉ sử dụng trong trường hợp NNT nộp tiền tại NHTM đã được ủy nhiệm thu hoặc nộp tiền trực tiếp tại KBNN.

Khi nộp tiền vào NSNN, NNT phải ghi đầy đủ các thông tin trên Bảng kê nộp thuế gửi NHTM đã được ủy nhiệm thu/phối hợp thu hoặc KBNN. Trong đó, lưu ý cách ghi một số chỉ tiêu như sau:

- * **Chỉ tiêu (1):** Dùng trong trường hợp nộp các khoản thu trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu;
- * **Chỉ tiêu (2):** Dùng trong trường hợp nộp vào khoản thuế GTGT đã được hoàn sai vào tài khoản thu hồi của quỹ hoàn thuế GTGT do cơ quan thuế quản lý.
- * **Chỉ tiêu (3):** Trường hợp nộp theo văn bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Tài chính, Cơ quan có thẩm quyền khác thì tích vào ô tương ứng;
- * **Chỉ tiêu (4):** Nội dung các khoản nộp NS
 - Trường hợp nộp cho tờ khai thuế phải ghi cụ thể:
 - + Nộp thuế GTGT từ sản xuất kinh doanh trong nước tháng 1/2014 hoặc quý 1/2014;
 - + Nộp thuế GTGT từ hoạt động xổ số kiến thiết tháng 1/2014;
 - + Nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản quý 2/2014
 - + Nộp thuế TNDN từ sản xuất kinh doanh quý 1/2014
 - + Nộp thuế TNDN từ hoạt động xổ số kiến thiết quý 3/2014
 - +
 - Trường hợp nộp cho Quyết định, Thông báo của cơ quan có thẩm quyền phải ghi cụ thể:
 - + Nộp thuế GTGT từ sản xuất kinh doanh trong nước theo Quyết định số ... ngày ... của < cơ quan ban hành quyết định >
 - + Nộp thuế TNDN từ hoạt động xổ số kiến thiết theo Quyết định số ... ngày ... của < cơ quan ban hành quyết định >.
 - Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp tiền vào NSNN: ghi theo loại thuế cần nộp, số, ngày của Bảng kê biên lai thu;
 - Trường hợp cơ quan thu tiền phạt nộp tiền vào NSNN: ghi loại tiền phạt cần nộp, số, ngày của Bảng kê thu tiền phạt.
- * **Chỉ tiêu (5):** Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản. *th*

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Người nộp thuế:Mã số thuế:

Địa chỉ:

..... Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay:Mã số thuế:

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): trích TK số:

hoặc thu tiền mặt để:

Nộp vào NSNN TK tạm thu(1) TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2)

Tại KBNN :tỉnh, TP:

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu :

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):

Kiểm toán NN Thanh tra TC

Thanh tra CP CQ có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu:

Tờ khai HQ số(1): ngày: Loại hình XNK(1):

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS (4)	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
	Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: Nợ TK:

Mã ĐBHC: Có TK:

Mã nguồn NSNN:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng(5) Thủ trưởng(5)

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

Ghi chú:

1. Trường hợp NNT nộp tiền tại NHTM chưa được ủy nhiệm thu/phối hợp thu: NNT phải ghi đầy đủ thông tin trên Giấy nộp tiền, trừ “phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền (*)”.

Lưu ý:

- * Chỉ tiêu (1): Dùng trong trường hợp nộp các khoản thu trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu;
- * Chỉ tiêu (2): Dùng trong trường hợp nộp vào khoản thuế GTGT đã được hoàn sai vào tài khoản thu hồi của quỹ hoàn thuế GTGT do cơ quan thuế quản lý.
- * Chỉ tiêu (3): Trường hợp nộp theo văn bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Tài chính, Cơ quan có thẩm quyền khác thì tích vào ô tương ứng;
- * Chỉ tiêu (4): Nội dung các khoản nộp NS
 - Trường hợp nộp cho tờ khai thuế phải ghi cụ thể:
 - + Nộp thuế GTGT từ sản xuất kinh doanh trong nước tháng 1/2014 hoặc quý 1/2014;
 - + Nộp thuế GTGT từ hoạt động xổ số kiến thiết tháng 1/2014;
 - + Nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản quý 2/2014
 - + Nộp thuế TNDN từ sản xuất kinh doanh quý 1/2014
 - + Nộp thuế TNDN từ hoạt động xổ số kiến thiết quý 3/2014
 - +
 - Trường hợp nộp cho Quyết định, Thông báo của cơ quan có thẩm quyền phải ghi cụ thể:
 - + Nộp thuế GTGT từ sản xuất kinh doanh trong nước theo Quyết định số ... ngày ... của < cơ quan ban hành quyết định >
 - + Nộp thuế TNDN từ hoạt động xổ số kiến thiết theo Quyết định số ... ngày ... của < cơ quan ban hành quyết định >.
 - Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp tiền vào NSNN: ghi theo loại thuế cần nộp, số, ngày của Bảng kê biên lai thu;
 - Trường hợp cơ quan thu tiền phạt nộp tiền vào NSNN: ghi loại tiền phạt cần nộp, số, ngày của Bảng kê thu tiền phạt.
- * Chỉ tiêu (5): Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.

2. Trường hợp NNT nộp tiền tại NHTM đã được ủy nhiệm thu/phối hợp thu:

NHTM in Giấy nộp tiền từ hệ thống, ký tên, đóng dấu để cấp cho NNT khi đã hoàn thành việc thu tiền thuế.

Lưu ý: NHTM căn cứ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và thông tin trên Bảng kê nộp thuế do NNT lập để xác định mã Chương, mã Tiểu mục khi thu tiền thuế của NNT. Thông tin về mã Chương, mã Tiểu mục chỉ thể hiện tại “Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền (*)” để chuyển cho KBNN làm căn cứ hạch toán thu NSNN, không thể hiện trên liên Giấy nộp tiền cấp cho NNT. *14/*

Không ghi vào
 khu vực này

**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 BẢNG NGOẠI TỆ**

Tiền mặt chuyển khoản
 (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Người nộp thuế: Mã số thuế:

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay: Mã số thuế:

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN) trích TK số:

hoặc thu ngoại tệ tiền để:

Nộp vào NSNN TK tạm thu(1) TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2)

Tại KBNN: tỉnh, TP:

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):

Kiểm toán NN Thanh tra TC

Thanh tra CP CQ có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu:

Tờ khai HQ(1): ngày: Loại hình XNK(1):

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN				Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
TT	Nội dung các khoản nộp NS(4)	Số nguyên tệ	Số tiền VNĐ	Mã Tiêu mục	Mã chương
	Tổng cộng				

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: Nợ TK:

Mã ĐBHC: Có TK:

Mã nguồn NSNN: Tỷ giá hạch toán:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng(5) Thủ trưởng(5)

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

Ghi chú:

1. Trường hợp NNT nộp tiền tại NHTM chưa được ủy nhiệm thu/phối hợp thu: NNT phải ghi đầy đủ thông tin trên Giấy nộp tiền, trừ "phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền (*)".

Lưu ý:

* Chỉ tiêu (1): Dùng trong trường hợp nộp các khoản thu trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu;

* Chỉ tiêu (2): Dùng trong trường hợp nộp vào khoản thuế GTGT đã được hoàn sai vào tài khoản thu hồi của quỹ hoàn thuế GTGT do cơ quan thuế quản lý.

* Chỉ tiêu (3): Trường hợp nộp theo văn bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Tài chính, Cơ quan có thẩm quyền khác thì tích vào ô tương ứng;

* Chỉ tiêu (4): Nội dung các khoản nộp NS

- Trường hợp nộp cho tờ khai thuế phải ghi cụ thể:

+ Nộp thuế GTGT từ sản xuất kinh doanh trong nước tháng 1/2014 hoặc quý 1/2014;

+ Nộp thuế GTGT từ hoạt động xổ số kiến thiết tháng 1/2014;

+ Nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản quý 2/2014

+ Nộp thuế TNDN từ sản xuất kinh doanh quý 1/2014

+ Nộp thuế TNDN từ hoạt động xổ số kiến thiết quý 3/2014

+

- Trường hợp nộp cho Quyết định, Thông báo của cơ quan có thẩm quyền phải ghi cụ thể:

+ Nộp thuế GTGT từ sản xuất kinh doanh trong nước theo Quyết định số ... ngày ... của < cơ quan ban hành quyết định >

+ Nộp thuế TNDN từ hoạt động xổ số kiến thiết theo Quyết định số ... ngày ... của < cơ quan ban hành quyết định >.

- Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp tiền vào NSNN: ghi theo loại thuế cần nộp, số, ngày của Bảng kê biên lai thu;

- Trường hợp cơ quan thu tiền phạt nộp tiền vào NSNN: ghi loại tiền phạt cần nộp, số, ngày của Bảng kê thu tiền phạt.

* Chỉ tiêu (5): Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.

2. Trường hợp NNT nộp tiền tại NHTM đã được ủy nhiệm thu/phối hợp thu:

NHTM in Giấy nộp tiền từ hệ thống, ký tên, đóng dấu để cấp cho NNT khi đã hoàn thành việc thu tiền thuế.

Lưu ý: NHTM căn cứ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và thông tin trên Bảng kê nộp thuế do NNT lập để xác định mã Chương, mã Tiểu mục khi thu tiền thuế của NNT. Thông tin về mã Chương, mã Tiểu mục chỉ thể hiện tại "phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền (*)" để chuyển cho KBNN làm căn cứ hạch toán thu NSNN, không thể hiện trên liên Giấy nộp tiền cấp cho NNT. *ATV*